

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ LÁCH  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 390/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/10/2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trương Ngọc Phiêm

2. Ông Nguyễn Văn Hôn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Ông Võ Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1994; Địa chỉ: ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Minh H, sinh năm: 1985; Địa chỉ: ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tất cả có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:*

Về hôn nhân: Vào năm 2012, bà T và ông H tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre ngày 21/01/2015.

Sau khi cưới, bà và ông H sống hạnh phúc được 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, ông H đi nhậu về thường la mắng vợ con, bà kêu ông H đưa tiền đóng học phí cho con ông H không đưa. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 đến nay mà không hàn gắn được. Nay bà T nhận thấy không còn tình cảm với ông H nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Bà không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Về con chung: Bà T và ông H có một người con chung là Trần Minh H, sinh ngày 21/02/2015, hiện đang sống với bà T. Khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có.

*Theo các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Trần Minh H trình bày:*

Về hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, thời gian sống ly thân. Ông thừa nhận vợ chồng cũng có mâu thuẫn do không hiểu nhau, khi ông nhậu về thì giữa vợ chồng có xảy ra cự cãi, ông có dùng lời lẽ làm vợ ông buồn. Ông hứa sẽ thay đổi tính tình, hàn gắn tình cảm để vợ chồng cùng lo cho con. Vì còn thương vợ, thương con nên ông không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết phải ly hôn, ông không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Ông và bà T có một người con chung là Trần Minh H, sinh ngày 21/02/2015, hiện đang sống chung với bà T. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H khai không có.

*Phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách:*

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên các vấn đề về con chung, tài sản chung và nợ chung không đặt ra để xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách theo quy định tại các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Minh H tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V vào ngày 21/01/2015 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, bà T và ông H chung sống hạnh phúc được 06 năm, đến khoảng tháng 5/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà T xác định là do vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau mỗi khi ông H đi nhậu về, có mâu thuẫn về tiền bạc. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông H xác định vẫn còn thương vợ, con muốn vợ chồng hàn gắn để lo cho con. Xét thấy, tại biên bản xác minh ngày 09/9/2019, địa phương và gia đình cũng xác định bà T và ông H chỉ có mâu thuẫn gia đình, bà T mới bỏ về nhà mẹ ruột sống khoảng 02 tháng, bà T không có nhờ gia đình hai bên hay địa phương hàn gắn lại hôn nhân. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông H không lớn, thời gian mâu thuẫn và thời gian ly thân ngắn, giữa vợ chồng không có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Hiện nay, con ông bà còn nhỏ và rất cần sự quan tâm chăm sóc của cả cha lẫn mẹ. Ông H xác định còn thương vợ con và cam kết sẽ sửa đổi tính tình để lo cho con nên cần thiết cho ông bà thêm thời gian để hàn gắn tình trạng hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do yêu cầu ly hôn của bà T không được chấp nhận nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí là 300.000đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;**

**Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;**

**Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.**

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với ông Trần Minh H.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do yêu cầu ly hôn của bà T không được chấp nhận nên không đặt ra để xem xét.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004319 ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Thu Thanh**